

Số: 04/2020/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục, quy mô các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 55/TTr-SNN ngày 20/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục, quy mô các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Sau đây gọi là Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND*).

2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Quyết định này.

Điều 2. Phê duyệt danh mục, quy mô liên kết tối thiểu trong một vụ hoặc một chu kỳ sản xuất các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Cây lương thực (Lúa, ngô có trong cơ cấu giống của tỉnh): 50 ha.
2. Cây thực phẩm.
 - a) Rau, củ, quả: 02 ha.
 - b) Rau trồng trong nhà lưới hoặc nhà kính: 0,5 ha.
 - c) Nấm thương phẩm: 10 tấn.
3. Cây công nghiệp (Chè, mía, lạc, đỗ các loại): 20 ha.
4. Cây ăn quả: 30 ha.
5. Cây làm thức ăn chăn nuôi (Ngô, cỏ): 15 ha.
6. Cây lâm nghiệp (Gỗ rừng trồng): 150 ha.
7. Cây dược liệu, cây thuốc (Theo danh mục quy định của Bộ Y tế): 03 ha.
8. Chăn nuôi.
 - a) Lợn thịt: 2.000 con;
 - b) Lợn nái sinh sản: 400 con.
 - c) Gia cầm thương phẩm: 20.000 con.
 - d) Gia cầm sinh sản: 10.000 con.
 - đ) Trâu, bò: 200 con.
 - e) Ong lấy mật: 300 đàn.
9. Cá đặc sản (Cá Chiên, cá Lăng, cá Bống, cá Dầm Xanh, cá Anh Vũ, cá Tầm).
 - a) Nuôi trong lồng (Tổng dung tích lồng nuôi): 500 m³.
 - b) Nuôi trong ao, hồ: 01 ha.

Điều 3. Phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ liên kết có phạm vi hoạt động sản xuất trên địa bàn từ 2 huyện, thành phố trở lên hoặc hỗ trợ liên kết có phạm vi hoạt động sản xuất trên địa bàn 01 huyện, thành phố với quy mô vốn đầu tư từ 5,0 tỷ đồng trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố phê duyệt hỗ trợ liên kết không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu thực hiện Quyết định này; trong quá trình triển khai thực hiện căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương tham mưu, đề xuất kịp thời việc điều chỉnh, bổ sung danh mục, quy mô các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4 (thực hiện);
- Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NLN (Toàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang